

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 52/2021/HSST
Ngày 28-12-2021

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

Th2 ký phiên toà: Ông Vũ Viết Hoàn - Th2 ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 12 năm 2021, đối với:

- Bị cáo:

1. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ L 1, xã Th Th, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn Quyên và bà Nguyễn Thị Dinh. Có vợ là Vũ Thị Hằng; có 2 con. Tiền sự, tiền án: không; bị tạm giữ từ ngày 19-11-2020 đến ngày 28-11-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2, Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1979, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ L 2, xã Th Th, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Minh Châu và bà Nguyễn Thị Kha. Có vợ là Nguyễn Thị Thành; có 2 con. Tiền sự, tiền án: không; bị tạm giữ từ ngày 19-11-2020 đến ngày 28-11-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1991, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H Ph 2, xã Th Th, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con bà Nguyễn Thị Tập. Có vợ là Đỗ Thị L; có 1 con. Tiền sự, tiền án: không; bị tạm giữ từ ngày 19-11-2020 đến ngày 28-11-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Nguyễn Đức H, sinh năm 1986, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ L 2, xã Th Th, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Đức Uy và bà Cao Thị H2. Chưa có vợ. Tiền sự, tiền án: không; nhân thân: Tại Bản án hình sự Ph thẩm số 101/2007/HSPT ngày 16-7-2007 của Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội Cố ý gây Th2ong tích theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 và phải chịu 50.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 19-11-2020 đến ngày 28-11-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Vũ Văn T, sinh năm 1990, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ L 1, xã Th Th, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Vũ Văn Tuấn và bà Nguyễn Thị Vui. Có vợ là Hà Thị Thành; có 2 con. Tiền sự, tiền án: không; bị tạm giữ từ ngày 19-11-2020 đến ngày 28-11-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Nguyễn Viết Th, sinh năm 1990, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn HPh 4, xã Th Th, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Viết Thường và bà Nguyễn Thị Tựu. Có vợ là Lê Thị Ninh; có 2 con. Tiền sự, tiền án: không; bị tạm giữ từ ngày 19-11-2020 đến ngày 28-11-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1985, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H Ph3, xã Th Th, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn Vạng và bà Nguyễn Thị Dịu. Có vợ là Nguyễn Thị Dương; có 2 con. Tiền sự, tiền án: không; bị tạm giữ từ ngày 19-11-2020 đến ngày 28-11-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. Nguyễn Văn D, sinh năm 1982, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H Ph 3, xã Th Th, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn Chiến và bà Tống Thị Dung. Có vợ là Nguyễn Thị

Trang; có 2 con. Tiền sự, tiền án: không; bị tạm giữ từ ngày 19-11-2020 đến ngày 28-11-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

9. Nguyễn Văn M, sinh năm 1984, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H Ph 3, xã Th Th, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn Măng và bà Nguyễn Thị Dấu. Có vợ là Nguyễn Thị Hà Tuyên; có 2 con. Tiền sự, tiền án: không; bị tạm giữ từ ngày 19-11-2020 đến ngày 28-11-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

10. Nguyễn Đức Kh, sinh năm 1989, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ L 2, xã Th Th, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Đức Huy và bà Nguyễn Thị Làn. Có vợ là Nguyễn Thị Xoa; có 2 con. Tiền sự, tiền án: không; bị tạm giữ từ ngày 19-11-2020 đến ngày 28-11-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

11. Nguyễn Trọng Đ1, sinh năm 1995, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H Ph 2, xã Th Th, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Trọng Đồng và bà Nguyễn Thị Thuận. Chưa có vợ. Tiền sự, tiền án: không; bị tạm giữ từ ngày 19-11-2020 đến ngày 28-11-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

12. Nguyễn Văn V, sinh năm 1993, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn H Ph 3, xã Th Th, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn Ngân và bà Nguyễn Thị Thắm. Có vợ là Nguyễn Thị Bé Như; có 2 con. Tiền sự, tiền án: không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2015/HSST ngày 01-4-2015 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 và phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 19-11-2020 đến ngày 28-11-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người có Q, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nguyễn Thị Thành, trú tại: Thôn ĐL, xã Th Th, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Đình Nh, vắng mặt.

Anh Nguyễn Đình Ph, vắng mặt.

Ông Nguyễn Đình Ph1, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Thành, vắng mặt.

Anh Nguyễn Đức M1, vắng mặt.

Anh Lâm Văn Ch, có mặt.

Anh Nguyễn Viết Th2, có mặt.

Anh Nguyễn Văn T1, vắng mặt.

Anh Phan Văn Q1, vắng mặt.

Anh Vũ Văn T2, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị M2, vắng mặt.

Bà Tống Thị H2, vắng mặt.

Bà Đỗ Thị L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 19-11-2020, Nguyễn Văn Q đi làm về qua thấy nhà của Nguyễn Đình Nh sinh năm 1983 ở Thôn ĐL, xã Th Th, huyện VB, Thành phố Hải Phòng mở cửa nên vào chơi. Khi Nh đi làm còn Q ở lại và có Nguyễn Trọng Đ1, Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Đình Ph, sinh năm 1988 là em trai của Nh ở gần đó đến chơi, pha chè, cùng uống nước. Sau đó, Ph đi về còn Q, Đ1, Đ cùng rủ nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền bằng 01 bộ T lơ khơ 52 lá có sẵn tại nhà Nh. Một lúc sau có Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn D, Nguyễn Đức H, Vũ Văn T và Nguyễn Đức M1, sinh năm 1992 ở thôn Đông Lôi 2, xã Th Th, huyện VB đến. Do có đông người nên đã chia ra làm 02 chiếu bạc để chơi, cụ thể: Tại chiếu bạc thứ nhất có Q, Đ1, Đ, H1, M và Kh cùng đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền bằng 01 bộ tứ lơ khơ 52 lá. Tại chiếu bạc thứ 2 có Th, Ng, V, D, H và T cùng đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền bằng 01 bộ tứ lơ khơ 52 lá khác có sẵn tại nhà Nh.

Việc đánh liêng được quy ước cụ thể như sau: Từ bộ bài tứ lơ khơ gồm có 52 lá bài, chia cho mỗi người chơi 03 lá bài. Người nào có 3 lá bài cùng số giống nhau thì gọi là “Sáp”. Người nào có 3 lá bài liên tiếp với nhau thì gọi là “Liêng”. Người nào có 3 lá bài đều là hình người nhưng không phải là “Sáp” và “Liêng” thì gọi là “Đĩ”. Người nào có 3 lá bài không phải là “Sáp”, “Liêng” hoặc “Đĩ” thì cộng số của 3 lá bài lại để tính điểm. Các bộ bài được đánh giá theo thứ tự từ thấp đến cao, trong đó bộ bài “Sáp” là to nhất rồi lần lượt theo thứ tự là “Liêng”, sau đó là “Đĩ” và cuối cùng là “Điểm”. Người nào có bộ bài cao nhất thì thắng và là người chia bài ở ván tiếp theo.

Về cách thức đặt cược quy định như sau: Mỗi ván bài, những người chơi phải đặt cược tối thiểu là 20.000 đồng (gọi là góp gà). Sau đó người chia bài sẽ là người đầu tiên được Q lựa chọn là úp bài hoặc đặt cược tiếp theo (hay còn gọi là tổ). Tiếp theo những người chơi còn lại sẽ lựa chọn là úp bài (bỏ bài) hoặc theo (tức là đặt cược bằng số tiền mà người trước đó đã đặt) hoặc tổ thêm (tức là đặt cược lớn hơn số tiền mà người trước đó đã đặt). Trong quá trình đánh, mọi người có Q tổ thêm nhiều lần nhưng không được vượt quá 100.000 đồng và ván bài chỉ kết thúc khi không còn người nào theo hoặc tổ thêm nữa. Nếu người nào thắng trong ván đó thì được tất cả số tiền của những người chơi khác đã đặt cược và ngược lại, người nào thua thì mất toàn bộ số tiền mà mình đã đặt cược.

Trong quá trình đánh bạc, bố mẹ của Nh là ông Nguyễn Đình Ph1 sinh năm 1956 và Nguyễn Thị Th1 sinh năm 1955 không có ở nhà và không có ai canh gác hoặc thu tiền hồ, tiền phí. Các bị can đánh bạc đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Vĩnh Bảo phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc thứ nhất gồm 01 bộ bài tứ lơ khơ có 52 lá và số tiền 5.920.000 đồng. Thu trong người các đối tượng ở chiếu bạc này tổng số tiền 21.162.000 đồng và một số tài sản gồm: Thu của Đ1 7.000.000 đồng, 01 chiếc điện thoại Iphone màu đen và 01 chiếc ví da màu đen; của Q 7.267.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động Nokia, 01 chiếc điện thoại di động Asus màu xanh và 01 chiếc ví da màu nâu; của H1 695.000 đồng, 01 chiếc điện thoại Samsung cảm ứng màu vàng và 01 chiếc ví da màu nâu; của Kh 2.000.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1202 màu đen; của Đ 3.500.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Samsung cảm ứng; của M 700.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen. Thu giữ trên chiếu bạc thứ hai gồm 01 bộ bài tứ lơ khơ có 52 lá và số tiền 3.220.000 đồng. Thu trong người các đối tượng ở chiếu bạc này tổng số tiền 22.675.000 đồng và một số tài sản gồm: Thu của Th 500.000 đồng; của Ng 1.980.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Vivo màu đen; của V 9.210.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 ProMax màu đen; của D 2.565.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động Samsung cảm ứng màu đen và 01 chiếc ví da màu nâu; của H 3.920.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động Samsung A30S và 01 chiếc ví da màu đen; của T 4.500.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen. Ngay sau đó, Công an huyện Vĩnh Bảo đã dẫn giải các đối tượng về trụ sở để xác minh, làm rõ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị can khai nhận về việc thắng thua, số tiền tham gia đánh bạc như sau:

Nguyễn Trọng Đ1 có 7.380.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 380.000 đồng để đánh bạc và đang thắng 1.080.000 đồng thì bị bắt, còn lại 7.000.000 đồng không sử dụng để đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc, khi Đ1 đang thắng thì lấy từ số tiền thắng bạc cho Đ vay 1.000.000 đồng để đánh bạc.

Nguyễn Thành Đ có 4.000.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc nhưng mới bỏ ra trước 500.000 đồng để đánh và thua hết 500.000 đồng. Lúc này do thấy Đ1 đang

thắng nên đã vay Đ1 1.000.000 đồng để đánh bạc và đánh thua tiếp 700.000 đồng đến 800.000 đồng thì bị bắt.

Nguyễn Văn Q có 8.267.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc nhưng mới bỏ ra trước 1.000.000 đồng để đánh bạc và đang thua 540.000 đồng thì bị bắt.

Nguyễn Văn Ng có 3.500.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc nhưng mới bỏ ra trước 1.500.000 đồng để đánh bạc và đang thua 1.000.000 đồng thì bị bắt.

Nguyễn Đức H có 2.700.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc nhưng mới bỏ ra trước 1.000.000 đồng để đánh bạc và đang thắng khoảng 1.200.000 đồng đến 1.220.000 đồng thì bị bắt.

Vũ Văn T có 5.500.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc, mới bỏ ra trước 1.000.000 đồng để đánh bạc và đang thua 860.000 đồng thì bị bắt. Còn lại 4.000.000 đồng là do vay của Nguyễn Đình Ph từ trước đó để đóng tiền phường, không sử dụng để đánh bạc.

Nguyễn Viết Th có 1.100.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc nhưng mới bỏ ra trước 600.000 đồng để đánh bạc và đang thua 200.000 đồng thì bị bắt.

Nguyễn Văn H1 có khoảng 1.100.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc nhưng mới bỏ ra trước 400.000 đồng để đánh bạc và đang thua khoảng 200.000 đồng thì bị bắt.

Nguyễn Văn D có 3.065.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, mới bỏ ra trước 500.000 đồng để đánh bạc và đang thua 380.000 đồng thì bị bắt. Còn lại 2.065.000 đồng không sử dụng để đánh bạc mà để sinh hoạt cá nhân.

Nguyễn Văn M có 600.000 đồng sử dụng hết đánh bạc và đang thắng được 100.000 đồng thì bị bắt.

Nguyễn Đức Kh có 2.500.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc và đang hòa thì bị bắt, còn lại 2.000.000 đồng không sử dụng để đánh bạc.

Nguyễn Văn V có 9.530.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 320.000 đồng để đánh bạc và đang thua 300.000 đồng thì bị bắt. Còn lại 9.210.000 đồng không sử dụng để đánh bạc mà để đóng tiền phường và chi tiêu cá nhân, gia đình.

Theo kết quả thu giữ Th2 tín, điện tín thể hiện: Tại thời điểm kiểm tra (29-7-2021) không tìm thấy bảng kê chi tiết cuộc gọi đi, đến, tin nhắn đi, đến của 09 số điện thoại 0336122268, 0973321739, 0985233596, 0904242906, 0868833662, 0975836993, 0368361611, 0397929229, 0988029615 (là các số điện thoại của Nguyễn Đức Kh; Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn Q, Vũ Văn T, Nguyễn Đình Ph) trong ngày 19-11-2020 trên hệ thống. Từ số điện thoại của Nguyễn Trọng Đ1 phát sinh 01 tin nhắn và 02 cuộc gọi đến số điện thoại của Nguyễn Đình Ph vào hồi 01 giờ 33 phút 56 giây; 01 giờ

34 phút 23 giây và 01 giờ 35 phút 47 giây đều trong ngày 19-11-2020. Theo Đ1 và Ph trình bày: Đ1 gọi điện và nhắn tin rủ Ph đi ăn đêm nhưng Ph không nghe máy. Từ số điện thoại của Nguyễn Văn Ng phát sinh 02 cuộc gọi đến số điện thoại của Nguyễn Đình Nh vào hồi 07 giờ 05 phút 30 giây và 07 giờ 16 phút 28 giây đều trong ngày 19-11-2020. Theo Ng và Nh trình bày: Ng gọi điện rủ Nh đi ăn sáng nhưng Nh từ chối vì phải đi làm. Từ số điện thoại của Nguyễn Văn Ng phát sinh 01 cuộc gọi với Nguyễn Văn M vào hồi 08 giờ 19 phút 47 giây ngày 19-11-2020. Theo Ng và M trình bày: M gọi điện cho Ng để hỏi thăm sức khỏe của mẹ Ng, vì hai người là họ hàng và mẹ của Ng đang bị bệnh.

Tại Bản kết luận giám định số 5714/C09-P6 ngày 30-7-2021 của Viện KH2 học hình sự Bộ Công an đối với 02 chiếc điện thoại thu giữ của Nguyễn Văn Q, 01 điện thoại thu giữ của Nguyễn Văn Ng thể hiện: Không tìm thấy dữ liệu lịch sử cuộc gọi, các tin nhắn trong ngày 19-11-2020 lưu trữ trong các mẫu vật gửi giám định. Không tìm thấy dữ liệu lịch sử cuộc gọi, các tin nhắn trong ngày 19-11-2020 (theo thời gian thể hiện trên dữ liệu) do nhiều nguyên nhân và không xác định được do nguyên nhân nào, một số nguyên nhân có thể xảy ra như:

- + Không có dữ liệu trong ngày 19-11-2020;
- + Nếu có dữ liệu, có thể dữ liệu trong ngày 19-11-2020 đã bị ghi đè bởi dữ liệu khác;
- + Tại thời điểm giám định các thiết bị hiện có không phục hồi được dữ liệu trong ngày này.

Bản Cáo trạng số 61/CT-VKS ngày 29 tháng 11 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo đã truy tố Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Đức H, Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Trọng Đ1, Nguyễn Văn V về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội khẳng định: Việc truy tố Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Đức H, Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Trọng Đ1, Nguyễn Văn V về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, 58, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo. Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn Ng, Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Trọng Đ1 áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với các bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn D áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS. Đề nghị áp dụng

Điều 65 BLHS với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn V. Áp dụng Điều 36 BLHS với các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Trọng Đ1. Tuyên bố Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Đức H, Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Trọng Đ1, Nguyễn Văn V phạm tội Đánh bạc và xử phạt: Nguyễn Văn Q từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 24 đến 30 tháng. Nguyễn Thành Đ từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Nguyễn Văn Ng từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, Nguyễn Đức H từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách của Đ, Ng, H là từ 18 đến 24 tháng. Nguyễn Văn V từ 6 tháng tù đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Nguyễn Trọng Đ1 từ 18 tháng 24 tháng cải tạo không giam giữ, Vũ Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, Nguyễn Viết Th từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, Nguyễn Văn H1 từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, Nguyễn Văn D từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, Nguyễn Văn M từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, Nguyễn Đức Kh từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ đối với Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Trọng Đ1 nhưng đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 36 BLHS buộc các bị cáo này phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Đề nghị áp dụng Điều 35, khoản 3 Điều 321 phạt mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 28.702.000 đồng; trả lại Nguyễn Trọng Đ1 7.000.000 đồng, trả lại Vũ Văn T 4.000.000 đồng, trả lại Nguyễn Văn D 2.065.000 đồng, trả lại Nguyễn Đức Kh 2.000.000 đồng, trả lại Nguyễn Văn V 9.210.000 đồng. Trả lại Nguyễn Văn Q 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 màu đen gắn sim số 0368361611 và 01 chiếc điện thoại Asus màu xanh không gắn sim, trả lại Nguyễn Văn Ng 01 chiếc điện thoại Vivo màu đen gắn sim số 0946753462. Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài T lơ khơ.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền. Về trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật Tố tụng hình sự còn có vi phạm, Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng quá trình điều tra bổ sung chỉ khắc phục được một phần vi phạm. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện cơ bản đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn rõ ràng, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người làm chứng. Biên bản phạm tội quả tang và các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã đủ cơ sở xác định: Vào ngày 19-11-2020, tại nhà của Nguyễn Đình Nh ở Thôn ĐL, xã Th Th, huyện VB, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn M, Nguyễn Trọng Đ1 và Nguyễn Văn H1 đang cùng nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền tại chiếu bạc thứ nhất bằng 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá với số tiền sử dụng để đánh bạc là 18.082.000 đồng gồm 5.920.000 đồng thu được trên chiếu bạc và 12.162.000 đồng là số tiền thu giữ trong người các đối tượng đã chứng minh được sử dụng vào việc đánh bạc; Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn D, Nguyễn Đức H và Vũ Văn T đang cùng nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền tại chiếu bạc thứ hai cũng bằng 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá với số tiền sử dụng để đánh bạc là 10.620.000 đồng gồm 3.220.000 đồng thu được trên chiếu bạc và 7.400.000 đồng là số tiền thu giữ trong người các đối tượng đã chứng minh được sử dụng vào việc đánh bạc thì bị bắt quả tang. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn M, Nguyễn Trọng Đ1 và Nguyễn Văn H1 đã đồng phạm tội Đánh bạc vi phạm khoản 1 Điều 321 BLHS. Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn D, Nguyễn Đức H và Vũ Văn T đã đồng phạm tội Đánh bạc vi phạm khoản 1 Điều 321 BLHS.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, gây mất trật tự, trị an - xã hội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

[4]. Về vai trò: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ; bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Trọng Đ1 cùng rủ nhau đánh bạc, do các bị cáo đến đông mới chia làm 2 chiếu để đánh bạc. Nguyễn Văn Q đánh bạc với số tiền nhiều nhất nên Q giữ vai trò chính, Nguyễn Trọng Đ1 đánh bạc với số tiền ít nhưng tham gia đánh từ đầu, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn V có nhân thân không tốt cần xếp vị trí cao hơn, nên sau Q đến Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn V, Nguyễn Trọng Đ1, Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh.

[5]. Xét về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn Ng, Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Trọng Đ1 đều chưa có tiền sự, tiền án; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khai báo Thành khẩn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Nguyễn Văn D có thời gian đi bộ đội; Nguyễn Văn V có ông nội là ông Nguyễn Văn Yết được Nhà nước tặng Huân chương chiến thắng, có chú ruột là Liệt sỹ; Nguyễn Đức H có bố đẻ là ông Nguyễn Quốc Uy là thương binh hạng 3, được Nhà nước tặng Huân chương chiến sỹ giải phóng. Do đó Nguyễn Văn D, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn V đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 101/2007/HSPT ngày 16-7-2007 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Đức H 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 và phải chịu 50.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 02-02-2010 Nguyễn Đức H đã thi hành xong bản án, đã được xóa án tích. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2015/HSST ngày 01-4-2015 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Văn V 30 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 và phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 27-5-2016 V đã thi hành xong bản án, đã được xóa án tích. Các bị cáo là những người có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên có thể cho các bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương là đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Đối với các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Trọng Đ1 là những người lao động tự do thu nhập không ổn định nên cần miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo xong cần áp dụng khoản 4 Điều 36 BLHS buộc các bị cáo này phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[6]. Hình phạt bổ sung: Cần áp dụng Điều 35, khoản 3 Điều 321BLHS phạt Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Đức H, Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Trọng Đ1, Nguyễn Văn V mỗi bị cáo 10.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

[7]. Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ và trả lại Nguyễn Trọng Đ1 01 chiếc điện thoại Iphone màu đen và 01 chiếc ví da màu đen; trả lại Nguyễn Văn Q 01 chiếc ví da màu nâu; trả lại Nguyễn Văn H1 01 chiếc điện thoại Samsung cảm ứng màu vàng và 01 chiếc ví da màu nâu; trả lại Nguyễn Đức Kh 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1202 màu đen; trả lại Nguyễn Thành Đ 01 chiếc điện thoại di động Samsung cảm ứng; trả lại Nguyễn Văn M 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen; trả lại Nguyễn Văn V 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 ProMax màu đen; trả lại Nguyễn Văn D 01 chiếc điện thoại di động Samsung cảm

ứng màu đen và 01 chiếc ví da màu nâu; trả lại Nguyễn Đức H 01 chiếc điện thoại di động Samsung A30S và 01 chiếc ví da màu đen; trả lại Vũ Văn T 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen. 02 bộ bài tú lơ khơ là công cụ dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 28.702.000 đồng các bị cáo đã dùng đánh bạc cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Cần trả lại số tiền và tài sản không liên quan đến đánh bạc cho các bị cáo: Trả lại Nguyễn Trọng Đ1 7.000.000 đồng, trả lại Vũ Văn T 4.000.000 đồng, trả lại Nguyễn Văn D 2.065.000 đồng, trả lại Nguyễn Đức Kh 2.000.000 đồng, trả lại Nguyễn Văn V 9.210.000 đồng, trả lại Nguyễn Văn Q 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 màu đen gắn sim số 0368361611 và 01 chiếc điện thoại Asus màu xanh không gắn sim, trả lại Nguyễn Văn Ng 01 chiếc điện thoại Vivo màu đen gắn sim số 0946753462. Người có quyền lợi liên quan đến vụ án không có ý kiến gì.

[8]. Về án phí: Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Đức H, Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Trọng Đ1, Nguyễn Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 17, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- Nguyễn Văn Q 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

- Nguyễn Thành Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

- Nguyễn Văn Ng 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- Nguyễn Đức H 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

- Nguyễn Văn V 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- Nguyễn Trọng Đ1 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” có khẩu trừ cho Đ1 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ

- Vũ Văn T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” có khẩu trừ cho T 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Viết Th 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” có khẩu trừ cho Th 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Văn H1 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” có khẩu trừ cho H1 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Văn M 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” có khẩu trừ cho M 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Đức Kh 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” có khẩu trừ cho Kh 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 17, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Văn D 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” có khẩu trừ cho D 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khẩu trừ thu nhập trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Trọng Đ1.

Căn cứ khoản 4 Điều 36 BLHS buộc các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Trọng Đ1 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Đức H, Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Trọng Đ1, Nguyễn Văn V cho UBND xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục.

+ Hình phạt bổ sung: Căn cứ Điều 35, khoản 3 Điều 321 BLHS phạt: Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Đức H, Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Trọng Đ1, Nguyễn Văn V mỗi bị cáo 10.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Trong trường hợp người được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự. Trong

thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ các quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Đức H, Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Trọng Đ1, Nguyễn Văn V kể từ ngày tuyên án.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; xử: Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài T lơ khơ. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 28.702.000đồng. Trả lại Nguyễn Trọng Đ1 7.000.000 đồng, trả lại Vũ Văn T 4.000.000 đồng, trả lại Nguyễn Văn D 2.065.000 đồng, trả lại Nguyễn Đức Kh 2.000.000 đồng, trả lại Nguyễn Văn V 9.210.000 đồng, trả lại Nguyễn Văn Q 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 màu đen gắn sim số 0368361611 và 01 chiếc điện thoại Asus màu xanh không gắn sim, trả lại Nguyễn Văn Ng 01 chiếc điện thoại Vivo màu đen gắn sim số 0946753462. Vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Điều 6 và 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Đức H, Vũ Văn T, Nguyễn Viết Th, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Trọng Đ1, Nguyễn Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Công an huyện Vĩnh Bảo;
- CATP (PC10, PV06);
- Sở Tư pháp;
- THADS huyện Vĩnh Bảo ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Vinh

- Lưu: HCTP; Hồ sơ vụ án.